

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
TÀI CHÍNH DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2010**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 16

11250
NG
HIỆM H
LOIT
T NA
- TR

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Khuyến Nguồn	Chủ tịch
Ông Mai Kim Hoàng	Ủy viên
Bà Trần Thị Thùy	Ủy viên
Ông Nguyễn Thanh Hùng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Phương Thảo	Ủy viên
Ông Vũ Hồng Sự	Ủy viên

Ban Giám đốc

Bà Trần Thị Thùy	Tổng Giám đốc
Ông Mai Kim Hoàng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Tiến	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 28 tháng 5 năm 2010)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

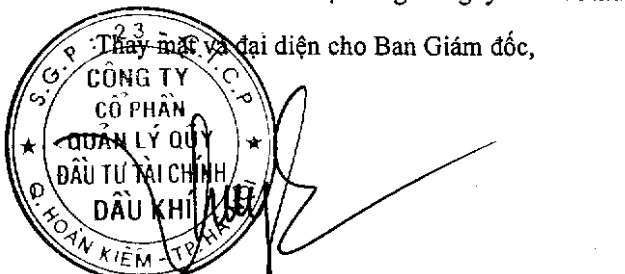
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Trần Thị Thùy
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2011

Số 33A /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)**

Chúng tôi đã kiểm toán bằng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 16. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Trương Văn Hùng
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ kiểm toán viên số Đ.0029/KTV

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 28 tháng 3 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Đặng Văn Khải
Kiểm toán viên
Chứng chỉ kiểm toán viên số 0758/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu số 01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN	100		99.874.810.606	97.371.589.241
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	45.260.602.466	21.577.796.201
1. Tiền mặt tại quỹ	111		4.368.759	44.383.414
2. Tiền gửi ngân hàng	112		2.256.233.707	11.533.412.787
3. Các khoản tương đương tiền	113		43.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	39.951.155.787	54.178.397.807
1. Chứng khoán kinh doanh	121		42.002.007.024	26.814.547.348
2. Đầu tư ngắn hạn khác	122		6.000.000.000	32.400.000.000
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	126		(8.050.851.237)	(5.036.149.541)
III. Các khoản phải thu	130		14.023.527.314	21.313.277.972
1. Phải thu của khách hàng	131	7	7.662.666.838	18.002.935.003
2. Phải thu khác	134	10	6.360.860.476	3.310.342.969
IV. Tài sản lưu động khác	150		639.525.039	302.117.261
1. Tài sản lưu động khác	152		639.525.039	302.117.261
B. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN	200		2.666.163.501	2.993.162.478
I. Tài sản cố định	220		1.988.473.827	1.734.784.505
1. Tài sản cố định hữu hình	211	8	1.972.264.146	1.708.574.825
- Nguyên giá	212		3.011.499.584	2.663.647.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	213		(1.039.235.438)	(955.073.015)
2. Tài sản cố định vô hình	217	9	16.209.681	26.209.680
- Nguyên giá	218		40.000.000	40.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	219		(23.790.319)	(13.790.320)
II. Tài sản dài hạn khác	260		677.689.674	1.258.377.973
1. Chi phí trả trước	261		-	440.096.764
2. Tài sản thuê thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	263	11	677.689.674	818.281.209
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		102.540.974.107	100.364.751.719

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ 01-CTQ

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.423.954.797	534.471.458
I. Nợ ngắn hạn	310		1.412.145.537	510.579.698
1. Phải trả người bán	312		447.689.464	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		75.641.835	39.473.884
3. Phải trả công nhân viên	314		116.927.870	4.567.500
4. Chi phí phải trả	315		558.345.433	-
5. Phải trả, phải nộp khác	317		213.540.935	466.538.314
II. Nợ dài hạn	340		11.809.260	23.891.760
1. Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	341		11.809.260	23.891.760
B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		101.117.019.310	99.830.280.261
I. Nguồn vốn	410		101.117.019.310	99.830.280.261
1. Nguồn vốn kinh doanh	411	12	100.000.000.000	100.000.000.000
2. Lợi nhuận chưa phân phối	417		1.117.019.310	(169.719.739)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN			102.540.974.107	100.364.751.719

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG

		31/12/2010	31/12/2009
1. Chứng khoán theo mệnh giá	005	782.830.000	-
2. Chứng khoán của nhà đầu tư ủy thác	006	104.583.650.000	41.241.880.000



Trần Thị Thủy
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Thu Lương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ 02-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu hoạt động kinh doanh	01	13	8.878.111.318	5.694.482.976
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	13	3.000.000.000	-
3. Doanh thu thuần	10		5.878.111.318	5.694.482.976
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		1.315.266.261	1.062.673.375
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12		4.562.845.057	4.631.809.601
6. Doanh thu từ hoạt động tài chính	13	14	21.042.617.190	18.444.182.719
7. Chi phí tài chính	14	15	9.208.698.467	8.944.295.400
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	15		15.369.433.197	11.857.854.743
9. Lợi nhuận/lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh	16		1.027.330.583	2.273.842.177
10. Thu nhập khác	17		400.000.000	-
11. Lợi nhuận khác	19		400.000.000	-
12. Tổng lợi nhuận/lỗ kế toán trước thuế	20		1.427.330.583	2.273.842.177
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	21		-	-
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	22	11	140.591.535	47.051.167
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	23		1.286.739.048	2.226.791.010
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			129	22



Trần Thị Thủy
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Thu Lương
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU SỐ 03-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
- Tiền thu từ phí quản lý quỹ và quản lý danh mục đầu tư	01	8.672.436.587	3.956.549.359
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	05	401.735.159	246.423.100
- Trả lãi tiền vay	07	(4.392.239)	-
- Tiền nộp thuế và các khoản phải nộp khác cho Nhà nước	08	(1.353.404.012)	(1.216.140.184)
- Tiền trả cho cán bộ công nhân viên	09	(6.863.364.979)	(6.041.429.724)
- Tiền chi mua vật liệu, công cụ dụng cụ	10	(1.320.000)	(18.156.383)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	11	(6.525.494.291)	(5.724.823.228)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	30	(5.673.803.775)	(8.797.577.060)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
- Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định	32	(989.425.996)	(151.398.950)
- Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	33	300.000.000	-
- Tiền đầu tư chứng khoán	34	(71.815.634.380)	(149.905.314.843)
- Thu từ thanh lý các khoản đầu tư chứng khoán	35	72.255.863.988	138.571.875.746
- Tiền góp vốn đầu tư vào đơn vị khác	36	(16.000.000.000)	(29.837.500.000)
- Tiền thu lãi trái phiếu, lãi đầu tư khác	37	3.730.779.407	1.205.118.010
- Tiền thu khác từ hoạt động đầu tư	38	86.866.556.131	3.091.083.680
- Tiền chi khác cho hoạt động đầu tư	39	(43.549.700.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	40	30.798.439.150	(37.026.136.357)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
- Tiền thu khác từ hoạt động tài chính	47	92.896.219.359	-
- Tiền chi khác cho hoạt động tài chính	48	(94.338.048.469)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	50	(1.441.829.110)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm (30+40+50)	60	23.682.806.265	(45.823.713.417)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ/năm	70	21.577.796.201	67.401.509.618
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ/năm (60+70)	90	45.260.602.466	21.577.796.201



Trần Thị Thủy
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thu Lương
Kế toán trưởng

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 33 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 31 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

1. Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán
2. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các chứng khoán đầu tư. Đầu tư ngắn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:

- Đối với các chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng, gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt; Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt.
- Đối với các chứng khoán không có giao dịch hoặc giao dịch không đáng kể trên thị trường không chính thức (OTC) được phản ánh theo giá gốc.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	<u>2010</u> Số năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	10

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm chi phí trước hoạt động được Công ty phân bổ với thời hạn 3 năm kể từ khi Công ty đi vào hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ 09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán, các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện.

Doanh thu hoạt động tài chính

Hoạt động tự doanh chứng khoán

Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ 09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	4.368.759	44.383.414
Tiền gửi ngân hàng	2.256.233.707	11.533.412.787
Tương đương tiền (*)	43.000.000.000	10.000.000.000
	45.260.602.466	21.577.796.201

(*) Số dư các khoản tương đương tiền tại ngày 31/12 là số dư các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng.

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Chứng khoán niêm yết	15.713.257.508	6.604.627.832
Chứng khoán chưa niêm yết	26.288.749.516	20.209.919.516
Đầu tư ngắn hạn khác	6.000.000.000	32.400.000.000
	48.002.007.024	59.214.547.348
Các khoản dự phòng	(8.050.851.237)	(5.036.149.541)
Chứng khoán niêm yết	(2.367.028.054)	(1.579.613.358)
Chứng khoán chưa niêm yết	(5.683.823.183)	(3.456.536.183)
Đầu tư ngắn hạn ròng	39.951.155.787	54.178.397.807

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu từ chuyển nhượng chứng khoán (*)	7.350.000.000	17.689.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải thu	312.666.838	169.000.000
Khác	-	144.935.003
	7.662.666.838	18.002.935.003

(*) Số dư phải thu khách hàng từ chuyển nhượng chứng khoán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 là giá trị phải thu từ hợp đồng chuyển nhượng quyền góp vốn vào PV Oil Phú Mỹ, PV Oil Sài Gòn và PV Oil Vũng Tàu. Tính đến ngày phát hành báo cáo, Công ty đã thu hồi toàn bộ số tiền này. Doanh thu tương ứng được trình bày tại Thuyết minh số 14.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ 09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 01/01/2010	1.879.009.554	784.638.286	2.663.647.840
Tăng trong năm	1.149.301.890	-	1.149.301.890
Giảm trong năm	801.450.146	-	801.450.146
Tại ngày 31/12/2010	2.226.861.298	784.638.286	3.011.499.584
Giá trị hao mòn lũy kế			
Tại ngày 01/01/2010	825.987.366	129.085.649	955.073.015
Khấu hao trong năm	437.285.932	78.463.824	515.749.756
Giảm trong năm	431.587.333	-	431.587.333
Tại ngày 31/12/2010	831.685.965	207.549.473	1.039.235.438
Giá trị còn lại			
Tại ngày 31/12/2009	1.053.022.188	655.552.637	1.708.574.825
Tại ngày 31/12/2010	1.395.175.333	577.088.813	1.972.264.146

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm ứng dụng VND	Tổng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2010	40.000.000	40.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Tại ngày 31/12/2010	40.000.000	40.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2010	13.790.320	13.790.320
Khấu hao trong năm	9.999.999	9.999.999
Tại ngày 31/12/2010	23.790.319	23.790.319
Giá trị còn lại		
Tại ngày 31/12/2009	26.209.680	26.209.680
Tại ngày 31/12/2010	16.209.681	16.209.681

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ 09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2010 VND	31/12/2009 VND
Thuế giá trị gia tăng đầu vào chưa khấu trừ hoàn	-	592.970.874
Phí quản lý phải thu	2.273.543.790	1.837.102.088
Phải thu lãi tiền gửi	3.479.166.667	81.388.889
Tạm ứng thực hiện hợp đồng	445.550.000	445.550.000
Đặt cọc	160.893.080	160.893.080
Các khoản phải thu khác	1.706.939	192.438.038
	6.360.860.476	3.310.342.969

11. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	2010 VND	2009 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.427.330.583	2.273.842.177
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	958.466.443	2.085.637.510
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	93.502.000	-
Thu nhập chịu thuế	562.366.140	188.204.667
Lỗ phát sinh năm 2008 mang sang	(3.273.124.836)	(3.461.329.503)
Thu nhập chịu thuế sau khi cộng lỗ thuế (*)	(2.710.758.696)	(3.273.124.836)
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Tài sản thuế TNDN hoãn lại	677.689.674	818.281.209

Biến động Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ:

	2010 VND	2009 VND
Tại ngày 01/01	818.281.209	865.332.376
Ghi giảm vào chi phí trong năm	(140.591.535)	(47.051.167)
Tại ngày 31/12	677.689.674	818.281.209

(*) Tại ngày kết thúc năm tài chính 2010, Công ty có các khoản lỗ tính thuế lũy kế là 2.710.758.696 VND có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận với số tiền 677.689.674 VND theo khoản lỗ tính thuế nêu trên và Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ tài sản này. Tuy nhiên, giá trị thu hồi thực tế sẽ phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của cơ quan thuế có thẩm quyền.

1125
CÔNG
NHIỆM
LỢI
T N

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍ

Tầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ 09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***12. NGUỒN VỐN KINH DOANH****Vốn điều lệ**

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007, vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 VND.

Tình hình góp vốn điều lệ của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

	31/12/2010		31/12/2009	
	VND	%	VND	%
Cổ đông				
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	24.000.000.000	24	24.000.000.000	24
Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC)	11.000.000.000	11	11.000.000.000	11
Công ty cổ phần Đầu tư Bắc Hà	29.000.000.000	29	29.000.000.000	29
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển đô thị khu công nghiệp Sông Đà	20.000.000.000	20	20.000.000.000	20
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	16.000.000.000	16	16.000.000.000	16
Cộng	100.000.000.000	100	100.000.000.000	100

(*) Ngày 18 tháng 11 năm 2010, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã ký hợp đồng số 10520/HĐ-DKVN về việc chuyển giao toàn bộ phần vốn góp tại PVFC Capital cho Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam. Hiện Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận việc chuyển giao này.

13. DOANH THU HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	2010	2009
	VND	VND
Doanh thu từ phí quản lý quỹ đầu tư	1.993.149.161	2.007.519.161
Doanh thu từ phí quản lý danh mục đầu tư	4.535.099.153	2.040.739.801
Phí thưởng từ dịch vụ quản lý quỹ	2.349.863.004	1.646.224.014
	8.878.111.318	5.694.482.976

Các khoản giảm trừ doanh thu

Khoản giảm trừ doanh thu 3 tỷ VND phát sinh từ việc chuyển nhượng 500.000 cổ phiếu chưa niêm yết mã HVB trong năm 2009. Sang năm 2010, do phía đối tác không tiếp nhận rủi ro và lợi ích liên quan đến số cổ phiếu này, Công ty đã ghi giảm doanh thu năm 2009 vào kết quả kinh doanh năm 2010.

14. DOANH THU TÀI CHÍNH

	2010	2009
	VND	VND
Lãi tiền gửi	7.032.830.352	2.793.834.466
Lãi từ đầu tư cổ phiếu	4.426.679.180	13.561.594.159
Cổ tức, lợi nhuận được hưởng	958.466.443	2.085.637.510
Lãi từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	3.116.584
Lãi từ hoạt động đầu tư khác (*)	8.624.641.215	-
	21.042.617.190	18.444.182.719

(*) Chủ yếu bao gồm doanh thu từ việc bán quyền góp vốn tại các công ty khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ 09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2010 VND	2009 VND
Lỗ từ đầu tư cổ phiếu	4.439.136.396	8.944.295.400
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	3.014.701.695	-
Chi phí khác	1.754.860.376	-
	9.208.698.467	8.944.295.400

16. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VÀ DANH MỤC ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN TRONG NĂM**Hoạt động quản lý danh mục đầu tư chứng khoán****Tổng số Danh mục đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý: 3**

- 1) Theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 301/2008/PVFC Capital-PVFC ký ngày 14/11/2008 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC"), PVFC đồng ý ủy thác cho Công ty thực hiện quản lý danh mục đầu tư với tổng vốn đầu tư là 150 tỷ VND. Đến thời điểm 31/12/2010, tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang thực hiện quản lý là 30 tỷ VND.
- 2) Theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 101/2008/PVFC Capital-PVFC ký ngày 24/8/2009 với Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam ("PVFC"), PVFC đồng ý ủy thác cho Công ty thực hiện quản lý danh mục đầu tư với tổng vốn đầu tư là 350 tỷ VND. Đến thời điểm 31/12/2010, tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang thực hiện quản lý là 305,8 tỷ VND. Thời hạn quản lý là 12 tháng kể từ ngày hiệu lực.
- 3) Theo Hợp đồng quản lý danh mục đầu tư số 301/2008/PVFC Capital-PVFC ký ngày 24/4/2009 với Công ty Tài chính Cổ phần Điện lực ("EVNF"), EVNF đồng ý ủy thác cho Công ty thực hiện quản lý danh mục đầu tư với tổng vốn đầu tư là 15 tỷ VND. Đến thời điểm 31/12/2010, tổng số vốn thực tế của hợp đồng này hiện Công ty đang thực hiện quản lý là 15 tỷ VND. Thời hạn quản lý là 12 tháng kể từ ngày hiệu lực.

Hoạt động quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán**Tổng số Quỹ đầu tư chứng khoán Công ty đang thực hiện quản lý: 1**

Theo hợp đồng quản lý đầu tư với Công ty TNHH VIP, Công ty được ủy quyền thay mặt VIP thực hiện tất cả các hoạt động đầu tư tại Việt Nam theo các mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư được quy định trong hợp đồng này.

Giá trị tài sản ròng của quỹ đầu tư tại ngày 31/12/2010 :

76.166.716.670 VND

Ngân hàng lưu ký: Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải (HSBC - Chi nhánh Hồ Chí Minh).

Thành lập quỹ mới:

Ngày 27 tháng 10 năm 2010, Công ty đã ký Thỏa thuận góp vốn với công ty Zip Capital Management Limited về việc thành lập Quỹ Đầu tư Năng lượng Việt Nam (Vietnam Commodities Fund) với tổng vốn góp là 2.000 tỷ VND. Thành viên góp vốn đồng ý chỉ định PVFC Capital là Công ty Quản lý quỹ và Ngân hàng Hồng Kông và Thượng Hải (HSBC) là Ngân hàng lưu ký. Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Quỹ Đầu tư Năng lượng Việt Nam chưa đi vào hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DẦU KHÍTầng 6, 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ 09-CTQ***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***17. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có cam kết thuê hoạt động không hủy ngang phát sinh từ hợp đồng cho mượn nhà tại 22 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội với số tiền là 1.716 tỷ VND trong thời hạn 12 tháng.

18. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Nghiệp vụ với các bên liên quan:

	2010	2009
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng	1.452.000.000	-
Lợi tức ủy thác quản lý vốn đã trả	1.437.916.667	-
Doanh thu quản lý danh mục đầu tư chứng khoán(*)	4.206.432.489	1.894.097.555

(*) Như trình bày tại Thuyết minh số 16, tại ngày 31/12/2010, Công ty đang thực hiện quản lý danh mục đầu tư chứng khoán cho Tổng Công ty Tài chính cổ phần Dầu khí Việt Nam với tổng vốn đầu tư cam kết là 500 tỷ VND.

Số dư với các bên liên quan:

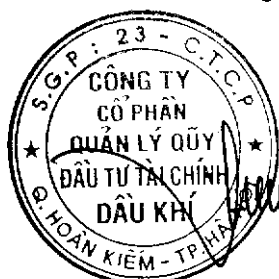
	31/12/2010	31/12/2009
	VND	VND
Phải thu về phí quản lý danh mục	1.977.224.167	350.900.000
Phải trả về chi phí thuê văn phòng	132.000.000	-

Thu nhập của Ban Giám đốc:

	2010	2009
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc	1.224.529.045	886.060.276

19. SỐ LIỆU SO SÁNH

Là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.



Trần Thị Thủy
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 3 năm 2011

Nguyễn Thị Thu Lương
Kế toán trưởng

